CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Xây dựng 47

Ngày 31/12/2024	6,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.0%	**-1.0%**	**-2.6%**

DT thuần
Q4/24
467
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 279| 148%
YoY: ▲ 217| 86.8%

LN thuần
Q4/24
5.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.46| 9.8%
YoY: ▲ 3.88| 296%

LN sau thuế
Q4/24
0.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.82| -83.2%
YoY: ▼4.55| -96.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
7.0%
YoY: +/-▼ 1.7%

ROE
2024
0.9%
YoY: +/-▼ 2.5%

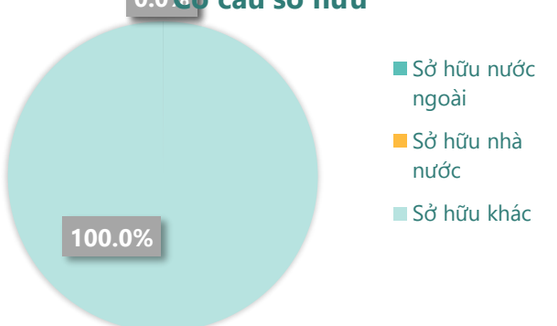
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,510 - 7,120
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	218
Số lượng CPLH (CP)	36,342,269
KLGD BQ 20 phiên (CP)	147,315
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.59
EPS	108
P/E	55.6

DT thuần
2024
944
tỷ VNĐ
YoY: ▼42.0| -4.3%

LN thuần
2024
1.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.3| -89.9%

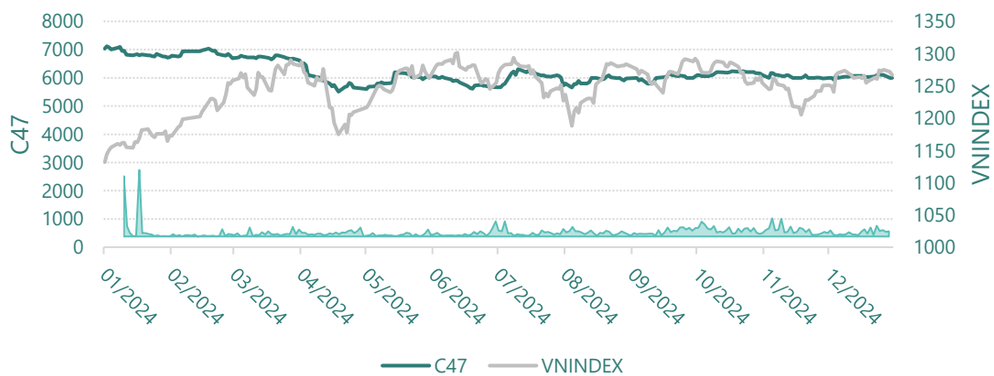
LN sau thuế
2024
3.76
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.8| -74.3%

Cơ cấu sở hữu

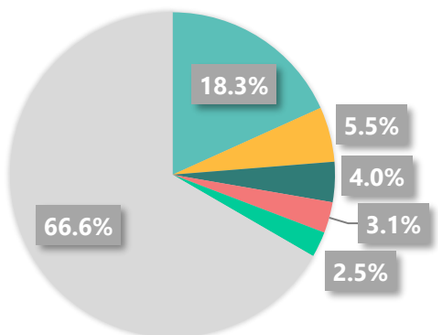


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

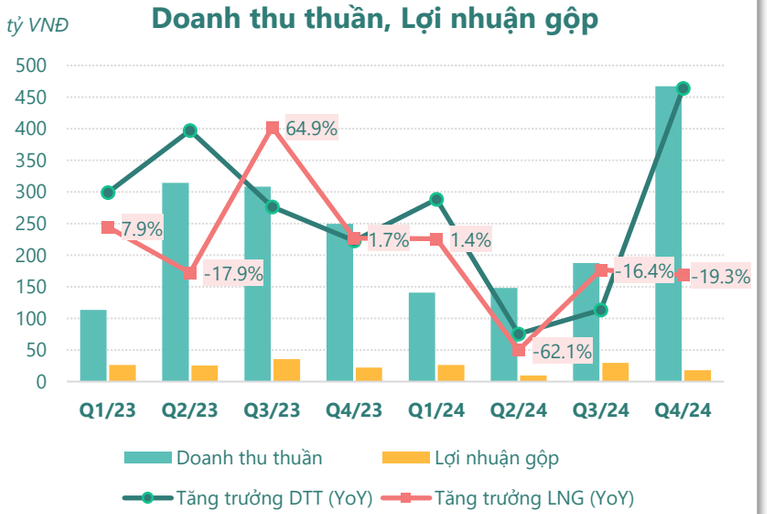


- Công ty TNHH VP Invest
- Lê Đông Lâm (Phó Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Chứng khoán Bảo Minh
- Phạm Thị Trung Hiếu
- Dương Minh Quang (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

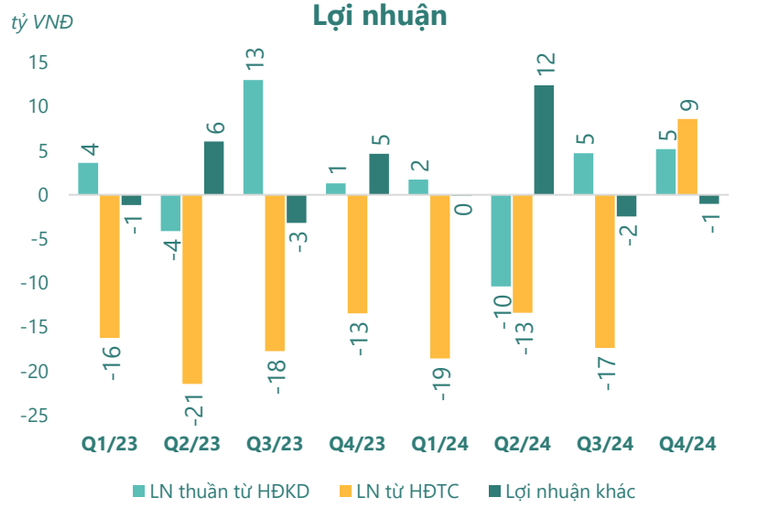
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



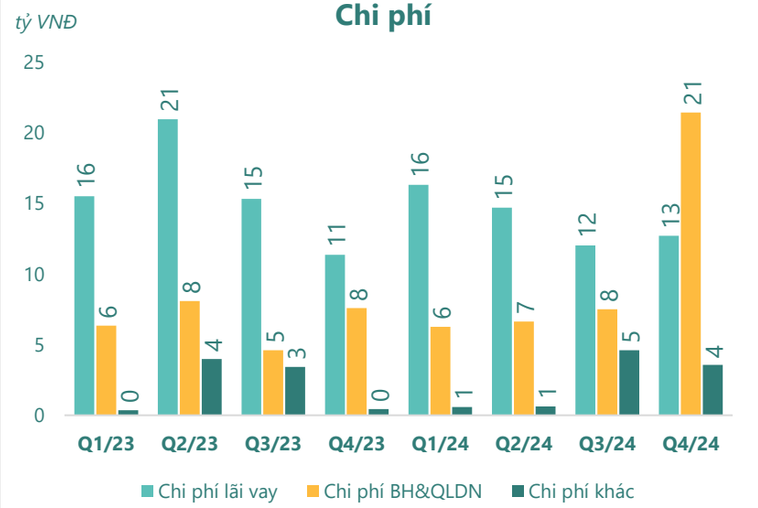
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



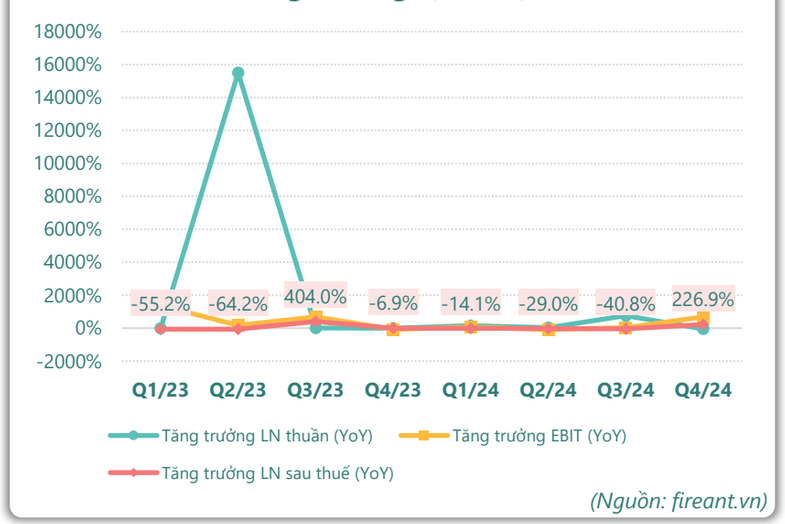
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



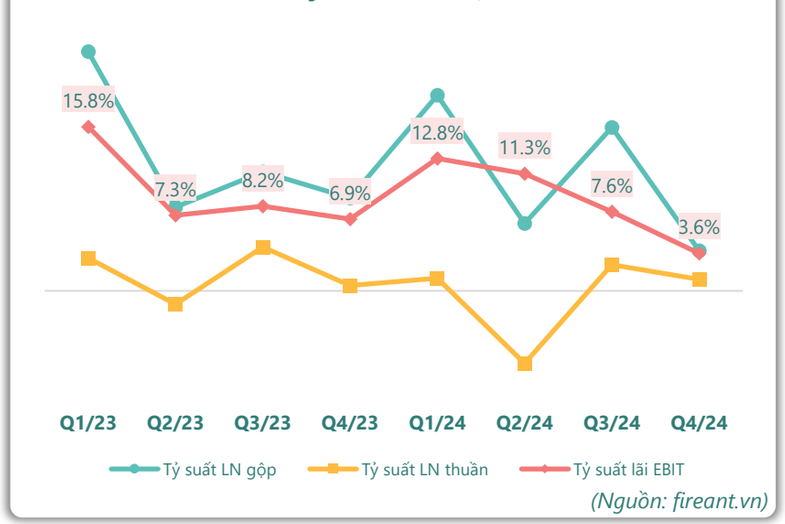
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



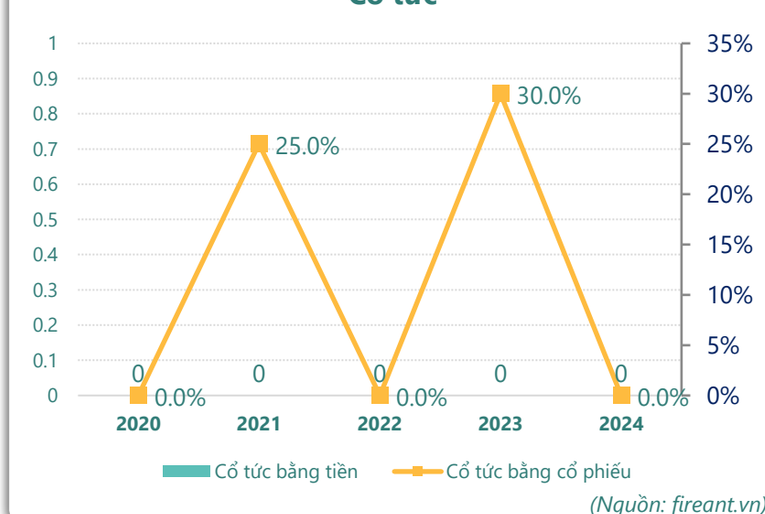
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

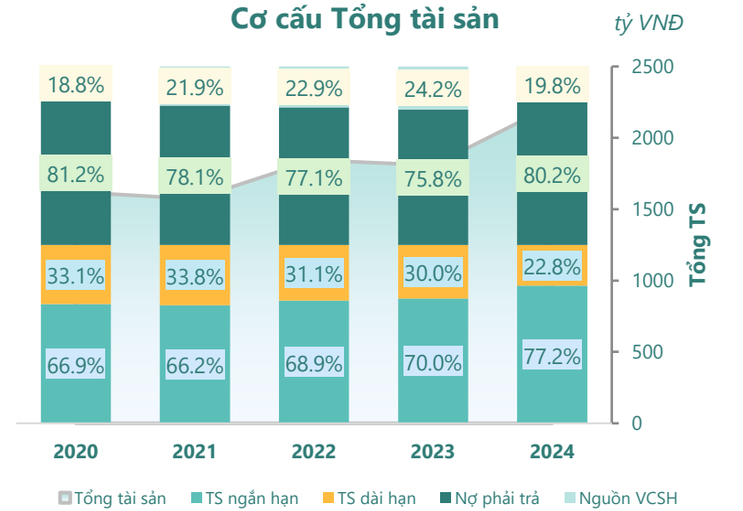
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

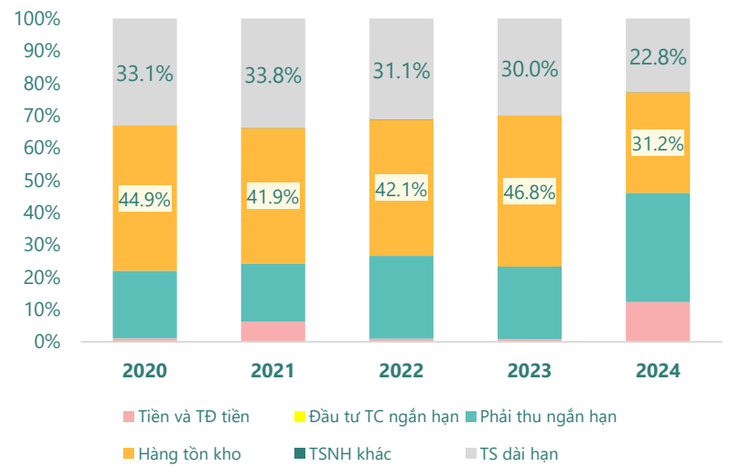
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



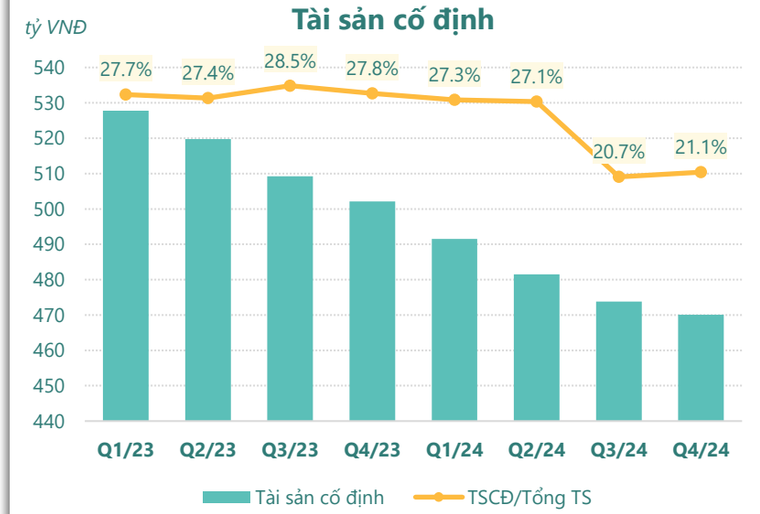
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



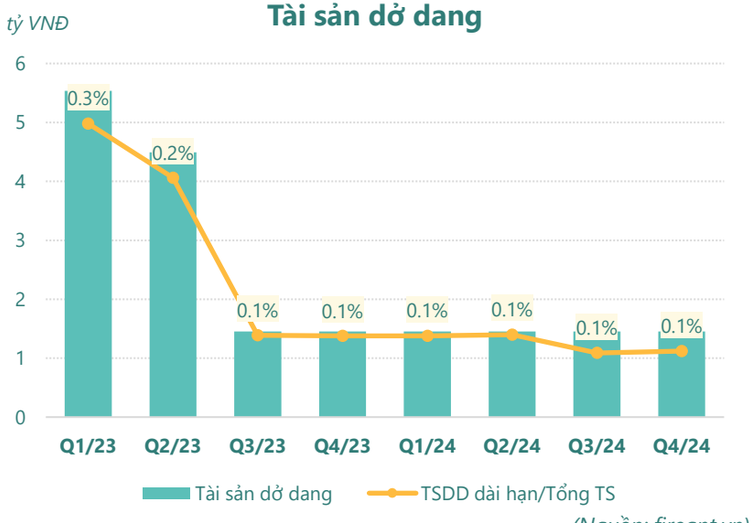
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



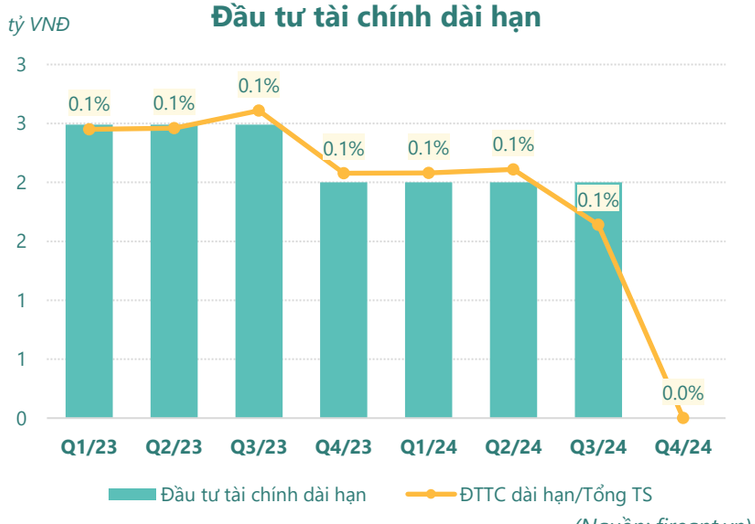
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



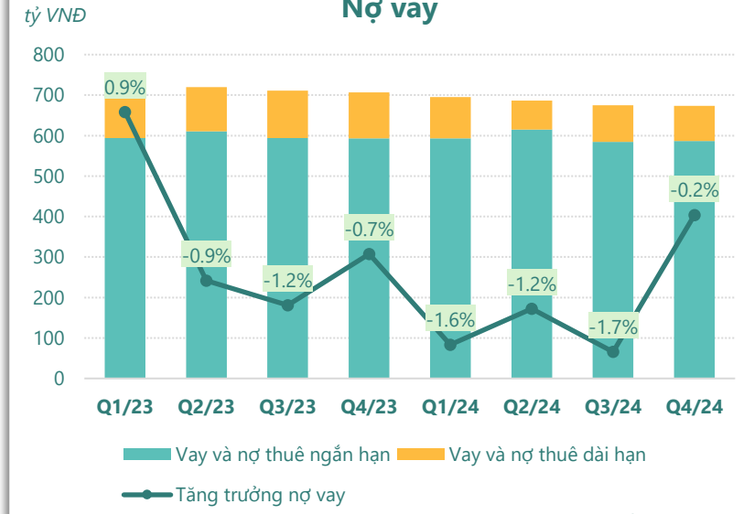
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

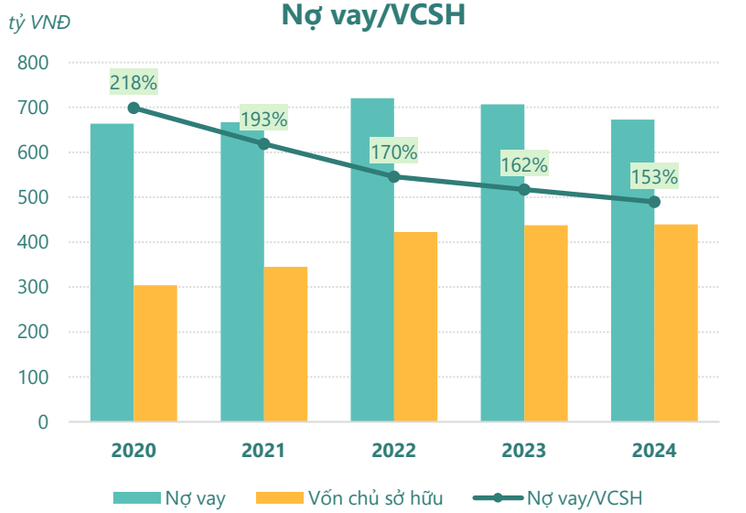
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

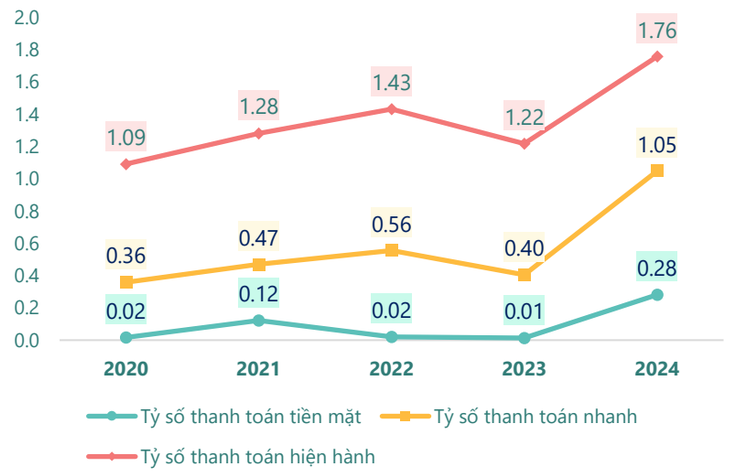
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



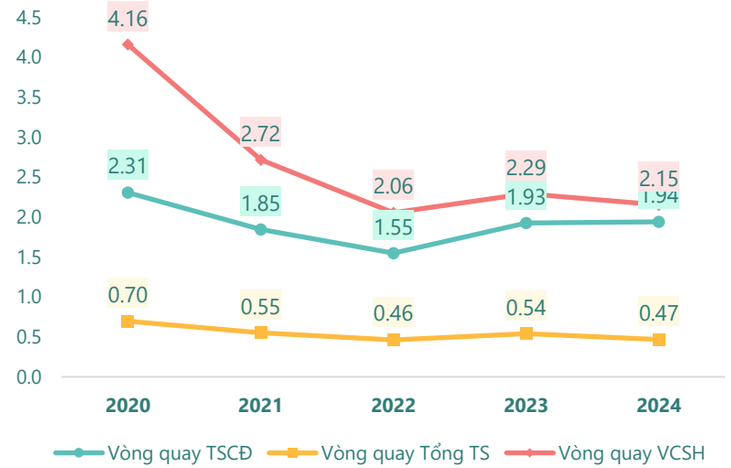
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



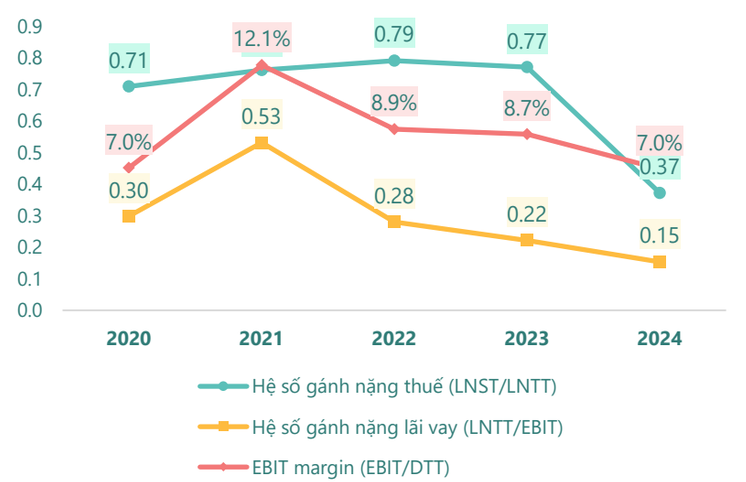
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



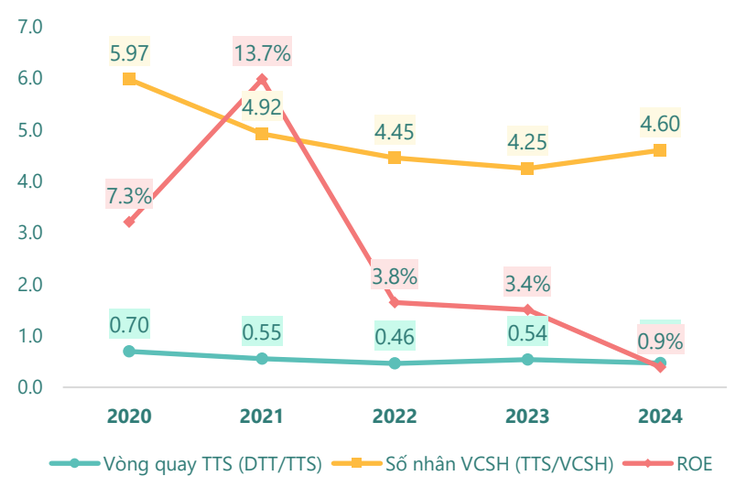
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



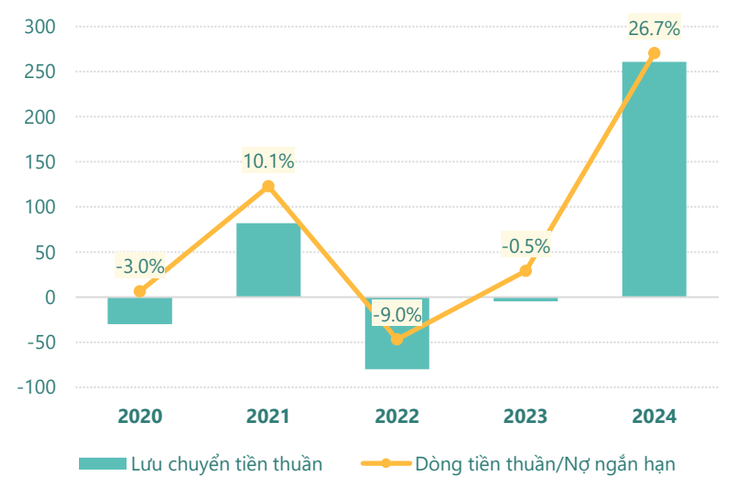
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**467**	**250**	**86.8%**	**944**	**986**	**-4.3%**
Giá vốn hàng bán	449	227	97.8%	860	878	-2.0%
Lợi nhuận gộp	18.0	22.4	-19.5%	83.8	108	-22.5%
Doanh thu HĐTC	22.8	0.22	10272%	23.3	0.23	9963%
Chi phí TC	14.2	13.7	3.7%	63.9	69.1	-7.5%
Chi phí lãi vay	12.7	11.4	11.6%	55.8	66.8	-16.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**21.5**	**7.59**	**183%**	**41.9**	**26.7**	**57.1%**
LN thuần từ HĐKD	5.19	1.31	296%	1.28	12.6	-89.9%
Lợi nhuận khác	**-1.04**	**4.64**	**-122%**	**8.83**	**6.32**	**39.6%**
LN trước thuế	4.16	5.94	-30.0%	10.1	19.0	-46.7%
Lợi nhuận sau thuế	**0.17**	**4.72**	**-96.5%**	**3.76**	**14.6**	**-74.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.28**	**4.11**	**-107%**	**3.92**	**14.7**	**-73.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.1	-18.3	13.2	9.14	430	-157
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.05	1.98	0.00	0.43	8.76	0.26
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.71	-4.49	-11.5	-9.19	-14.6	-8.50
Tiền đầu kỳ	17.4	34.8	14.0	15.6	16.0	440
Lưu chuyển tiền thuần	**17.4**	**-20.8**	**1.66**	**0.38**	**424**	**-165**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.8	14.0	15.6	16.0	440	275

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,226**	**1,808**	**23.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,718	1,266	35.7%
Tiền và tương đương tiền	275	14.0	1869%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	750	406	84.7%
Hàng tồn kho	693	845	-18.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.13	0.60	-78.4%
Tài sản dài hạn	**508**	**542**	**-6.4%**
Phải thu dài hạn	19.6	18.6	5.8%
Tài sản cố định	470	502	-6.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.45	1.45	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	2.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	**16.5**	**17.9**	**-8.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,786	1,371	30.3%
Nợ ngắn hạn	**977**	**1,039**	**-5.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	586	620	-5.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	199	244	-18.6%
Nợ dài hạn	808	332	144%
Vay và nợ thuê dài hạn	86.8	86.4	0.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**440**	**437**	**0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**440**	**437**	**0.6%**
Vốn điều lệ	363	363	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)